TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B, TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số:07/2018/HS-ST Ngày 19-01-2018.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Tùng.

Các hội thẩm nhân dân: 1.Ông Vũ Công Thành.

2.Ông Phạm Văn Hợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Huyền Trang,Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Khuyên,Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Uỷ ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2017/TLST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Sồng A V; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 21 tháng 3 năm 1966 tại huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản X, xã X, huyện B, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Sồng A D (đã chết) và bà Thào Thị S (đã chết); Vợ: Hạng Thị M và 04 con, con lớn nhất 21 tuổi, con nhỏ nhất 14 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giam giữ từ ngày 04/8/2017 đến nay. Có mặt.

2. Văn Trọng T1; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 27 tháng 9 năm 1980 tại huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Tiểu khu 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Văn Trọng T2, sinh năm 1957 và bà Lê Thị L, sinh năm 1958; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 31/10/1998 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân; Ngày 25/12/2001 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 36 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 05/8/2005 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 22 tháng 4 năm 2010 bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 28/7/2016 bị tòa án nhân dân hyện L, tỉnh Phú Thọ Miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; Năm 1997 bị Công an huyện B xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc; ngày

30 tháng 5 năm 2011 bị UBND huyện B quyết định đưa vào chữa trị, giáo dục lao động tại Trung tâm Giáo dục – Lao động tỉnh Sơn La với thời gian 24 tháng. Các án tích, xử lý vi phạm hành chính đó đã được xóa. Bị cáo bị bắt, tạm giam giữ từ ngày 03/8/2017 đến nay. Có mặt.

3. Chu Đức T;Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 05 tháng 4 năm 1982 tại huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Tiểu khu 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Chu Đức V, sinh năm 1949 và bà Lê Thị H, sinh năm 1952; có vợ Lò Thị H và 01 con 10 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: năm 2012 bị Công an huyện S, tỉnh Sơn La xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, đã được xóa. Bị cáo bị bắt, tạm giam giữ từ ngày 03/8/2017 đến nay. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị Nguyễn Thị L; Sinh năm 1985; Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn B, huyện B tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Người phiên dịch*: Ông Thào A C; Sinh năm 1971; Địa chỉ: Tiểu khu V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 07 giờ 09 phút ngày 03/8/2017, Chu Đức T gọi điện cho Văn Trọng T1 với nội dung nhờ T1 mua ma túy hộ để sử dụng. Đến 8 giờ 55 phút cùng ngày T1 đã gọi điện lại cho T và bảo T đưa T1 lên X để T1 mua ma túy hộ. T đến gặp em dâu là chị Nguyễn Thị L hỏi mượn xe máy Sirus, biển kiểm soát 26K3 – 7068 và nói dối là đi ra ngoài có việc nên chị L đã đồng ý cho T mượn xe máy. Sau đó, T điều khiển xe đi đón T1 rồi cả hai đi đến xã X, trên đường đi T1 gọi điện cho Sồng A V trú ở xã X hỏi mua Heroin. Khi đến cách lán của V khoảng 500m T1 bảo T dừng xe lại và đợi T1 ở đó đồng thời T1 cầm 200.000đồng, gồm 02 (hai) tờ tiền Polime mệnh giá 100.000đồng mà T đưa để mua ma túy và điều khiển xe máy đến lán của V. Đến nơi, T1 gặp V ở lán một mình, T1 đưa số tiền 200.000đồng cho V, V cầm tiền và đi vào gian bếp lấy gói ma túy của V cất giấu trên xà nhà đưa cho T1, T1 cầm gói ma túy điều khiển xe máy quay về chỗ T đang đợi đưa gói ma túy cho T, T cầm gói ma túy bỏ vào bao thuốc lá và cho vào túi quần trước bên phải T đang mặc rồi điều khiển xe máy theo đường tỉnh lộ 112 đi về thị trấn B. Khi đi đến địa phận tiểu khu 3 thị trấn B thì bị tổ công tác công an huyện B kiểm tra phát hiện, lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng.

Qua quá trình điều tra, trên cơ sở các tài liệu chứng cứ thu thập được, ngày 04/8/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra lệnh bắt và khám xét khẩn cấp đối với Sồng A V. Qua khám xét khẩn cấp nhà ở của Sồng A V, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ được 01 gói giấy màu trắng tại khe giữa hai tấm ván trong gian bếp của Sồng A V, bên trong có chứa chất bột màu trắng.

Tại Cơ quan điều tra Công an huyện B, Sồng A V còn khai nhận: ngoài lần bán ma túy cho Văn Trọng T1, Chu Đức T, V đã 02 (hai) lần thực hiện hành vi bán

trái phép chất ma túy cho Nguyễn Danh C, cụ thể như sau: Ngày không nhớ vào khoảng tháng 5/2017 V đã bán cho C một gói ma túy giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng) và vào đầu tháng 6/2017 V đã bán cho C một gói ma túy với giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

Về vật chứng của vụ án gồm:01 (một) gói chất bột màu trắng,01 *(một)* vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu SAI GON SLIM và 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG 01 (một) sim có số thuê bao 0948151001 của Chu Đức T; 01 *(một)* chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS biển kiểm soát 26K3 - 7068 chủ sở hữu mang tên Nguyễn Thị L;Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 125.000 đồng của Hạng Thị M; 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu SONAS có 02 (hai) sim, 02 *(hai)* số thuê bao 0964334223 và 0967478226 của Văn Trọng T1; 01 (một) gói chất bột màu trắng, 01 *(một)* chiếc điệnthoại di động nhãn hiệu masstel không có sim của Sồng A V.

Ngày 03/8/2017 và ngày 04/8/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B cùng Phòng PC54 Công an tỉnh Sơn La đã tiến hành mở niêm phong cân tịnh số chất bột màu trắng thu giữ của bị cáo Chu Đức T và thu giữ qua khám xét khẩn cấp tại nhà Sồng A V và lấy mẫu gửi giám định. Kết quả cân tịnh như sau:

Đối với số chất bột thu giữ của bị cáo Chu Đức T:Số chất bột màu trắng trong gói nilon màu xanh có trọng lượng 0,1571 gam (không phẩy một năm bẩy một gam) và lấy toàn bộ số chất bột này làm mẫu gửi giám định ký hiệu M1.

Đối với số chất bột thu giữ qua khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo Sồng A V:Số chất bột màu trắngcó trọng lượng 0,044 gam (Không phẩy không bốn bốn gam) và lấy toàn bộ số chất bột này làm mẫu gửi giám định ký hiệu K1.

Ngày 09/8/2017, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La có Bản kết luận giám định số: 804/KLMT và 809/KLMT, kết luận: "Mẫu vật gửi giám định ký hiệu M1 là chất ma túy; loại chất Heroin; trọng lượng 0,1571 gam (Không phẩy một năm bẩy một gam)"và "Mẫu vật gửi giám định ký hiệu K1 là chất ma túy; loại chất Heroin; trọng lượng 0,044g (không phẩy không bốn bốn gam)."

Tại phiên tòa công khai các bị cáo Sồng A V, Văn Trọng T1 và Chu Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ, trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới.

Tại bản cáo trạng số02/KSĐT-MT ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, truy tố bị cáo Sồng A V phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy"theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự, truy tố bị cáo Văn Trọng T1 và bị cáo Chu Đức T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47Bộ luật hình sự 1999, xử phạt bị cáo Sồng A V mức án từ 48 đến 54 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53 Bộ luật hình sự 1999, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Văn Trọng T1 mức án từ 18 đến 24

tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53 Bộ luật hình sự 1999, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Chu Đức T mức án từ 18 đến 24 tháng tù. Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Khoản 1,điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tuyêntịch thu tiêu hủy 01 *(một)* vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu SAI GON SLIM . Tuyên tịch thu sung công quỹ số vật chứng gồm: 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG 01 (một) sim có số thuê bao 0948151001 của Chu Đức T; 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu SONAS có 02 (hai) sim, 02 *(hai)* số thuê bao 0964334223 và 0967478226 của Văn Trọng T1; 01 *(một)* chiếc điệnthoại di động nhãn hiệu masstel không có sim và 125.000 đồng của Sồng A V.Trả lại cho chị Nguyễn Thị L 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu đỏ - đen, biển kiểm soát 26K3-7068, số khung RLCS 5C6308Y176831, số máy 5C63 – 176831 đuôi xe bị vỡ, xe không có gương bên phải (xe cũ đã qua sử dụng). Truy thu số tiền 675.000đ (sáu trăm bảy mươi năm nghìn đồng) của Sồng A V để sung công quỹ Nhà nước.

Ý kiến của các bị cáo Sồng A V, Văn Trọng T1, Chu Đức T tự bào chữa: Các bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo nhận thức hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, mong hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Nguyễn Thị L: Nhất trí với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị được xin lại chiếc xemáy nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu đỏ - đen, biển kiểm soát 26K3-7068.

Các bị cáo nói lời sau cùng:Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Sồng A V, Văn Trọng T1 và Chu Đức T, có đủ cơ sở để khẳng định:

Trong khoảng thời gian từ ngày tháng 5/2017 đến ngày 03/8/2017 bị cáo Sồng A V đã có hành vi đi mua Heroin vềchia lẻ cất giấu và nhiều lần bán cho các đối tượng nghiện để kiếm lời. Cụ thể đầu tháng 5/2017 và đầu tháng 6/2017 bị cáo

đã hai lần bán Heroin cho Nguyễn Danh C, một lần một gói giá 100.000đồng và một lần một gói giá 500.000đồng . Ngày 03/8/2017 bị cáo Sồng A V lại bán cho bị cáo Văn Trọng T1 một gói Heroin có trọng lượng 0,1571 gam với giá 200.000đồng (số tiền này là của bị cáo T đã cho bị cáo T1). Sau khi mua được Heroin bị cáo T1 cùng bị cáo T đem về sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang. Ngày 04/8/2017 Cơ quan điều tra công an huyện B đã ra lệnh bắt và tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo Sồng A V thu giữ 01 (một) gói Heroin có trọng lương 0,044 gam (Không phẩy không bốn bốn gam). Tiến hành giám định chất ma túy thu được của bị cáo T1, bị cáo T và chất ma túy thu được tại nhà bị cáo V kết quả giám định đều " là chất ma túy, loại chất Heroin".

Xét hành vi trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội,đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gâyảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương và ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương. Bản thân các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hậu quả của hành vi, nhưng các bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm với động cơ mục đíchcá nhân.Trên cơ sở đó đủ điều kiện căn cứ kết luậnhành vi trên của bị cáo Sồng A V phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Hành vi của các bị cáo Chu Đức T, Văn Trọng T1 đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ việc xét xử các bị cáo là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật không oan sai. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với hành vi phạm tội của bị cáo Sồng A V. Tuy nhiên tại điểm d mục 1 Công văn số 04/TANDTC-PC ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41 của Quốc hội thì Các điều luật mới quy định tội được tách ra từ các tội ghép trong Bộ luật Hình sự năm 1999 nếu không có lợi cho người phạm tội thì vẫn áp dụng quy định tương ứng của các văn bản quy phạm pháp luật về hình sự có hiệu lực trước 0 giờ ngày 01/01/2018 để giải quyết, nên không áp dụng.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án. Đối với bị cáo Sồng A V do hám lợi đã đi mua Heroin về bán lẻ cho các đối tượng nghiện ma túy. Mặc dù Số lượng không lớn, số tiền thu được tổng cộng là 800.000 đồng, song hành vi mua bán nhiều lần của bị cáo V đã phạm tội rất nghiêm trọng có mức phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm. Trong vụ án bị cáo phạm tội độc lập.

Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Sồng A V: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Xét về tình tiết giảm nhẹ bị cáo Sồng A V nhân thân chưa có tiền án, tiền sự là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức và am hiểu pháp luật có phần hạn chế, phạm tội lần đầu. Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Sồng A V đã tự thú, khai báo các hành vi phạm tội trước đó (hành vi mua bán trái phép chất ma túy với Nguyễn Danh C). Là những tình tiết giảm nhẹ được tại

điểm o, p khoản 1, khoản 2, điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy cần vận dụng điều 47 Bộ luật hình sự áp dụng một mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nằm trong khung hình phạt liền kề.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội đối với bị cáo Chu Đức T và bị cáo Văn Trọng T1 là nghiêm trọng. Hai bị cáo Chu Đức T và Văn Trọng T1 đã đi mua bán cất giấu trái phép 0,1571 gam (không phẩy một năm bẩy một gam) Heroin để sử dụng. Hành vi phạm tội của hai bị cáo được quy định tại khoản 1, Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 có mức hình phạt tù từ 1 năm đến 5.

Xét về vai trò phạm tội của hai bị cáo Văn Trọng T1, bị cáo Chu Đức T: Trong vụ án hai bị cáo là đồng phạm, thuộc đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo T là người khởi xướng, tạo điều kiện về phương tiện xe máy và đưa tiền cho bị cáo T1 mua ma túy về sử dụng, bị cáo T1 lại là người tích cực thực hiện tội phạm, là người trực tiếp đi mua ma túy. Vì vậy cần vận dụng điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 khi quyết định hình phạt đối với vụ án có đồng phạm, bị cáo T có vai trò lớn hơn phải chịu hình phạt nghiêm khắc hơn.

Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Văn Trọng T1:Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, nhưng nhân thân xấu là đối tượng nghiện ma túy; Năm 1998 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La xử phạt 06 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản; Năm 2001 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La xử phạt 36 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản; Năm 2005 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La xử phạt 24 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản; Năm 2010 bị Tòa án nhân dân Thành phố B, tỉnh Bắc Giang xử phạt 08 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản; Năm 2016 bị tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ Miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; Năm 1997 bị Công an huyện B xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc; năm 2011 bị UBND huyện B áp dụng biện pháp xử lý hành chính cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm giáo dục lao động tỉnh Sơn La.Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo Văn Trọng T1 đã khai báo giúp cơ quan điều tra điều tra phát hiện tội phạm (Khai báo ra hành vi phạm tội của bị cáo Sồng A V).Thân nhân bị cáo Văn Trọng T1 (ông bà nội, ngoại) là người có công với cách mạng được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất, hạng nhì. Nên bị cáo Văn Trọng T1 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, q khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Chu Đức T, bị cáo không có tình tiết tăng nặng, nhưng nhân thân xấu là đối tượng nghiện ma túy; Năm 2012 bị Công an huyện S, tỉnh Sơn La xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Song quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; bố bị cáo Chu Đức T (ông Chu Đức V) là người có công với cách mạng được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p, khoản 1 và khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bên cạnh đó bị cáo Văn Trọng T1 và bị cáo Chu Đức T còn được áp dụng quy định có lợi tại điểm b khoản 1; điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết

41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội ban hành, thực hiện khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 và Công văn số 04/TANDTC-PC ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết 41 của Quốc hội.

Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử xét cần áp dụng một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân các bị cáo. Đồng thời cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội, đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm tại địa phương trong giai đoạn hiện nay.

[4] Các bị cáo đang bị tạm giam cần tiếp tục tạm giam theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Thời gian tạm giam được tính vào thời gian thụ hình.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm", do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo làm nghề trồng trọt, lao động tự do, thu nhập thấp, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án: 01 *(một)* vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu SAI GON SLIM và 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG 01 (một) sim có số thuê bao 0948151001 của Chu Đức T; 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu SONAS có 02 (hai) sim, 02 *(hai)* số thuê bao 0964334223 và 0967478226 của Văn Trọng T1; 01 *(một)* chiếc điệnthoại di động nhãn hiệu masstel không có sim của Sồng A V là công cụ, phương tiện sử dụng các bị cáo dùng vào việc phạm tội. Đối với số tiền 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) của bị cáo Sồng A V là tiền thu được do phạm tội mua bán phép chất ma túy mà có, vợ bị cáo Sồng A V (Hạng Thị M) đã nộp lại 125.000đồng, còn lại 675.000đồng bị cáo đã sử dụng chi tiêu hết cần phải truy thu. Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu đỏ - đen, biển kiểm soát 26K3-7068 là tài sản thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị L. Việc bị cáo T sử dụng chiếc xe làm công cụ, phương tiện phạm tội chị L không biết. Vì vậy cần áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Khoản 1,điểm a,b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý.

[7] Đối với nguồn gốc Heroin bị cáo Sồng A V khai mua của một người đàn ông dân tộc Mông gặp ở ngã ba đường đi H và một người đàn ông dân tôc Thái gặp ở xã X nhưng V không biết tên tuổi địa chỉ ở đâu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành điều tra xác minh nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch của những người này nên không có cơ sở căn cứ để xử lý.

[8] Đối với Nguyễn Danh C là người mua bán trái phép chất ma túy với bị cáo Sồng A V, qua điều tra xác định C mua Heroin để sử dụng cho bản thân và để

bán kiếm lời. Hiện Nguyễn Danh C đã bị xét xử ở một vụ án khác. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập đến việc xử lý là có căn cứ.

[9] Về án phí theo quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thì bị cáo Sồng A V là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã X là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu,miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đối với các bị cáo Văn Trọng T1, Chu Đức T không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí do vậy phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Sồng A V phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy".

Tuyên bố các bị cáo Văn Trọng T1 và bị cáo Chu Đức T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; Điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Sồng A V 48 (Bốn mươi tám) tháng tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày 04/8/2017 là ngày bị bắt tạm giam giữ đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 điều 194; Điều 53; điểm pkhoản 1, khoản 2 Điều 46, Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm c khoản 1 Điều 249; Khoản 3 Điều 7, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; Điểm b khoản 1; Điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Xử phạt bị cáo Chu Đức T 22 (Hai mươi hai) tháng tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày 03/8/2017 là ngày bị bắt tạm giam giữ đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 điều 194; Điều 53; điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46, Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm c khoản 1 Điều 249; Khoản 3 Điều 7, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; Điểm b khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Xử phạt bị cáo Văn Trọng T1 20 (Hai mươi) tháng tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày 03/8/2017 là ngày bị bắt tạm giam giữ đối với bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước số vật chứng gồm: 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG 01 (một) sim có số thuê bao 0948151001 của Chu Đức T; 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu SONAS có 02 (hai) sim, 02 *(hai)* số thuê bao 0964334223 và 0967478226 của Văn Trọng T1; 01 *(một)* chiếc điệnthoại di động nhãn hiệu masstel không có sim và 125.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam của Sồng A V.

Tịch thu tiêu hủy 01 *(một)* vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu SAI GON SLIM.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị L 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu đỏ - đen, biển kiểm soát 26K3-7068, số khung RLCS 5C6308Y176831, số máy 5C63 – 176831 đuôi xe bị vỡ, xe không có gương bên phải (xe cũ đã qua sử dụng).

Truy thu số tiền 675.000 đồng (sáu trăm bảy mươi năm nghìn đồng) của Sồng A V để sung công quỹ Nhà nước.

Về Án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Văn Trọng T1, Chu Đức T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Áp dụng đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu,miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí cho bị cáo Sồng A V.

Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
-Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
-VKSND huyện B;
-CA huyện B;
-Trại tạm giam;
-Chi cục THADS huyện B;
-Bị cáo;
- Đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Thái Văn Tùng